

Bản án số: 07 /2018/KDTM-ST
Ngày 20 tháng 7 năm 2018
V/v “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ, THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Dân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Thuận
2. Ông Nguyễn Thế Quyết

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 20 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 05/2018/TLST-KDTM ngày 26 tháng 02 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-KDTM ngày 25 tháng 5 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 51/2018/QĐST-KDTM ngày 22 tháng 6 năm 2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP A . Trụ sở chính: 89 đường A, phường A, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Đình L, chức vụ: Cán bộ xử lý nợ; Địa chỉ: Tầng 04, 112 đường C, quận D, TP. Đà Nẵng (theo giấy ủy quyền số 915/2017/UQ-VPB, ngày 11/11/2017) (vắng mặt).

- Bị đơn: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T (gọi tắt là Công ty T). Địa chỉ trụ sở: 177 đường E, quận F, TP. Đà Nẵng. Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Ngọc T - Chức vụ: Giám đốc (vắng mặt).

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Bà Trần Thị Ngọc T , sinh năm 1981. Địa chỉ: K307 đường C, phường G, quận D, TP. Đà Nẵng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và lời trình bày trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thể hiện:

Vào ngày 25 tháng 8 năm 2016, Ngân hàng TMCP A ký kết với Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T hợp đồng tín dụng số 250816-3023499-01-SME, ngày 25 tháng 8 năm 2016; Khế ước nhận nợ số 250816-3023499-01-SME, ngày 25/8/2016.

Theo nội dung hợp đồng, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Ti đã vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn và kỳ hạn điều chỉnh 22,55%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1 lần theo lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 14%/năm. Trả gốc: 1 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/9/2016. Trả lãi: 1 tháng/1 lần vào ngày 25, kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/9/2016. Cùng với Hợp đồng tín dụng nêu trên, vào ngày 25/8/2016, bà Trần Thị Ngọc T ký kết với Ngân hàng TMCP A Hợp đồng bảo lãnh số 250816-3023499-01-SME/HĐBL. Theo đó, bà Trần Thị Ngọc T cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí đối với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP A.

Quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo quy định tại các hợp đồng và khế ước nhận nợ đã ký kết. Tính đến ngày 13/12/2017 Công ty T còn nợ ngân hàng số tiền tiền là 100.000.530 đồng, trong đó nợ gốc là 78.750.000 đồng, nợ lãi 18.387.711 đồng và phạt chậm trả là 2.864.819 đồng.

Nguyên đơn đề nghị Tòa án buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP A toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, tiền phạt chậm trả đã nêu trên và các khoản phát sinh liên quan theo hợp đồng tín dụng nêu trên; đề nghị Tòa án tiếp tục tính lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng cho đến ngày Công ty T thực tế thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP A; đề nghị Tòa án buộc bà Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T theo hợp đồng bảo lãnh mà các bên đã ký kết.

Tại bản tự khai kèm theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi đến Tòa án ngày 17/7/2018 có nêu: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 13/12/2017 là 2.864.819 đồng, các nội dung yêu cầu còn lại vẫn giữ nguyên.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã thực hiện việc tổng đạt, niêm yết thông báo về việc thụ lý vụ án, thông báo về các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định về việc đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không tham gia tố tụng, không có văn bản phản hồi nên không có được lời khai hoặc ý kiến của họ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP A yêu cầu bị đơn Công ty T trả số tiền nợ vay gốc và lãi theo Hợp đồng tín dụng số 250816-3023499-01-SME, ngày 25 tháng 8 năm 2016. Ngân hàng TMCP A và Công ty T đều là các tổ chức có đăng ký kinh doanh; tranh chấp giữa hai pháp nhân này là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại; Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T có địa chỉ trụ sở tại 177 đường E, quận F, TP. Đà Nẵng. Do đó căn cứ vào các Điều 30, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, xác định yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP A nộp đúng trình tự thủ tục, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên được xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Trước khi xét xử, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy báo phiên tòa hợp lệ nhiều lần, nhưng bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có mặt tại phiên tòa. Nên việc xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và tại phiên tòa đã thể hiện: Vào ngày 25 tháng 8 năm 2016, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T đã ký kết với Ngân hàng TMCP A hợp đồng tín dụng số 250816-3023499-01-SME. Theo đó, Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T đã vay của Ngân hàng TMCP A số tiền 98.000.000 đồng (chín mươi tám triệu đồng), thời hạn vay là 36 tháng, lãi suất trong hạn và kỳ hạn điều chỉnh 22,55%/năm, điều chỉnh 03 tháng/1 lần theo lãi suất bán vốn của bên ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng(+) biên độ 14%/năm. Trả gốc: 1 tháng 1 lần vào ngày 25, kỳ trả nợ gốc đầu tiên vào ngày 25/9/2016. Trả lãi: 1 tháng/1 lần vào ngày 25, kỳ trả đầu tiên vào ngày 25/9/2016.

Đây là Hợp đồng dân sự, là sự tự nguyện của các bên, nội dung không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng thì Công ty T đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ thanh toán. Tính đến ngày 13/12/2017 Công ty T còn nợ ngân hàng số tiền tiền là 100.000.530 đồng, trong đó nợ gốc là 78.750.000 đồng, nợ lãi 18.387.711 đồng và phạt chậm trả là 2.864.819 đồng. Tại bản tự khai kèm theo đơn đề nghị xét xử vắng mặt của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn gửi đến Tòa án ngày 17/7/2018 có nêu: Nguyên đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với phần phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 13/12/2017 là 2.864.819 đồng. Đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận và đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu mà nguyên đơn đã rút theo quy định tại Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

Như vậy, Công ty Triệu T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vi phạm các cam kết trong hợp đồng tín dụng, là người có lỗi trong việc thực hiện hợp đồng tín dụng. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn Công ty T phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP A số tiền còn nợ cả gốc và lãi là 97.135.711 đồng (trong đó nợ gốc là 78.750.000 đồng, nợ lãi 18.385.711 đồng) là phù hợp với quy định tại Điều 297 Luật thương mại 2005; các

Điều: 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005 ; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

[3] Về nghĩa vụ bảo lãnh: Căn cứ Hợp đồng bảo lãnh số: số 250816-3023499-01-SME/HĐBL, ngày 25/8/2016 thì bà Trần Thị Ngọc T cam kết bằng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện cho Công ty T trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí đối với bên nhận bảo lãnh là Ngân hàng TMCP A. Do vậy, nếu Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi thì bà Trần Thị Ngọc T có nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty T.

[4] Về án phí: Vì chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm bị đơn - Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T phải chịu theo quy định của pháp luật (97.135.711 đồng X 5% = 4.856.785,55 đồng. Làm tròn số: 4.856.800 đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều: 30, 35, 39; khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 297 Luật thương mại 2005; các Điều: 305, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 (V/v quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án).

Tuyên xử :

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với số tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 13/12/2017 là 2.864.819 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” của nguyên đơn Ngân hàng TMCP A đối với bị đơn Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T.

Buộc Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T phải trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền là 97.135.711 đồng, trong đó nợ gốc là 78.750.000 đồng, nợ lãi 18.387.711 đồng (tạm tính đến ngày 13/12/2017).

Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn và tiền phạt chậm trả lãi của số nợ gốc chưa thanh toán kể từ ngày 14/12/2017 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 250816-3023499-01-SME, ngày 25 tháng 8 năm 2016; Khế ước nhận nợ số 250816-3023499-01-SME, ngày 25/8/2016 cho đến khi thanh toán hết nợ cho Ngân hàng TMCP A.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Công ty T thì lãi suất mà Công ty T phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP A theo quyết định của Tòa án cũng

sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP A.

Nếu Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi, thì bà Trần Thị Ngọc T phải thực hiện toàn bộ nghĩa trả nợ cho Ngân hàng TMCP A thay cho Công ty T theo nội dung đã cam kết tại Hợp đồng bảo lãnh số: 250816-3023499-01-SME/HĐBL ngày 25/8/2016 giữa bà Trần Thị Ngọc T với Ngân hàng TMCP A.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ T phải chịu 4.856.800 đồng (bốn triệu tám trăm năm mươi sáu ngàn tám trăm đồng).

Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP A số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 008053 ngày 22/02/2018 của Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Khê, TP.Đà Nẵng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND Q. Thanh Khê;
- Chi cục THADS Q. Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ.

Trần Dân